

Bản án số: **505/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 24-6-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐÔNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Tú.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vũ Thị Mai.**

Ông Lê Bá Lung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1070/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc: Tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Mai Ch**, sinh năm 1977; Hộ khẩu thường trú:, phường Đồng Tâm, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; *Chỗ ở:*, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Có mặt);

Bị đơn: **Anh Trần Việt D**, sinh năm 1974; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: phường Phương Liên, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn ly hôn; Bản tự khai và các văn bản trình bày tiếp theo tại Tòa nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Mai Ch trình bày:

Chị và anh Trần Việt D kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội ngày 05/4/1997.

Sau khi kết hôn anh chị cư trú tại phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm, không hợp tính cách, cuộc sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không có sự cảm thông chia sẻ. Mâu thuẫn càng tăng kéo dài và cuối năm 2018 chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ cư trú cho đến nay. Thời gian

sống ly thân chị có chủ động liên hệ với anh D để tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không thực hiện được do anh D không có thiện chí, không hợp tác nên vợ chồng vẫn sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là: Trần Việt A (nam), sinh ngày 07/02/1998; Trần Quế A (nữ) sinh ngày 01/9/2004. Các con chung hiện sống cùng anh D, các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường; Ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật trên cơ sở tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của con chung. Trường hợp chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quế A, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; trường hợp cháu Quế A có nguyện vọng ở với anh D, chị đồng ý để anh D trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Quế A là: 5.000.000 đồng/ tháng. Cháu Việt A đã ở tuổi trưởng thành, khỏe mạnh phát triển bình thường chị không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ngoài yêu cầu ly hôn, con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu nào khác.

* Quá trình giải quyết vụ án: anh Trần Việt D đã được giao nhận: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc tự khai; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D đều vắng mặt không đến Tòa thực hiện quyền nghĩa vụ tố tụng dân sự, không nộp bản tự khai và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

*** Tại phiên tòa:**

Chị Ch có mặt, anh D vắng mặt.

Chị Ch vẫn giữ nguyên ý kiến quan điểm đã trình bày tại Tòa, cụ thể:

- Về tình cảm: Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

- Về con chung: Chị xác nhận chị và anh D có 02 con chung là: Trần Việt A (nam), sinh ngày 07/02/1998; Trần Quế A (nữ) sinh ngày 01/9/2004. Ly hôn, chị có nguyện vọng để anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quế A, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng; cháu Việt A đã thành niên, khỏe mạnh, chị không yêu cầu gì.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu xem xét.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử ngày hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự tố tụng mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về sự chấp hành của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn anh D chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phát biểu đánh giá các tình tiết của vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí: Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai Ch; Con chung: Xác nhận chị Ch, anh D có 02 con chung; Giao cháu Quế A cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ch cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị Ch không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Nợ chung: Không có nên không xét; Án phí: Chị Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng

Quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Xác định tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Mai Ch và anh Trần Việt D là tranh chấp về hôn nhân gia đình.

Thẩm quyền: Bị đơn - anh Trần Việt D đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại số 36 ngõ 138 phố Kim Hoa, phường Phương Liên, quận Đống Đa, Hà Nội; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh D đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

II. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai Ch và anh Trần Việt D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P ngày 05/4/1997. Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, xác nhận hôn nhân giữa chị Ch và anh D là hợp pháp.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, thể hiện: Quá trình anh chị chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không quan tâm, chăm sóc nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ năm 2019 đến nay, tình trạng hôn nhân giữa anh chị: mỗi người một nơi, sống ly thân và không quan tâm đến nhau thể hiện mâu

thuần vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng và không được khắc phục. Với thực trạng hôn nhân của anh chị như hiện nay khẳng định giữa anh chị không tồn tại cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc. Hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã 02 lần mở phiên hoà giải, đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng tại phiên hoà giải anh D đều vắng mặt không có lý do thể hiện anh D cũng không có thiện chí để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, yêu cầu của chị Ch xin ly hôn anh D là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ch; Anh D không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự: không đến Tòa, không thể hiện quan điểm nên không có căn cứ để xem xét.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ xác nhận chị Ch và anh D có 02 con chung là Trần Việt A (nam), sinh ngày 07/2/1998; Trần Quế A (nữ) sinh ngày 01/9/2004.

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, chị Ch có nguyện vọng được nuôi con nhưng chị tôn trọng ý kiến nguyện vọng của cháu Quế A; chị đồng ý để cháu Quế A ở với anh D và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Quế A là: 5.000.000 đồng/tháng. Cháu Việt A đã thành niên, khoẻ mạnh, chị không yêu cầu gì.

Xét thấy: Việc giao con bên nào trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con. Từ khi anh chị sống ly thân, cháu Quế A vẫn cư trú ổn định cùng anh D, cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường, học tập tốt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho con chung cũng như không xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu Quế A nên giao cháu Quế A cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, điều kiện sinh hoạt, học tập cũng như nguyện vọng của cháu Quế A. Do đó, căn cứ Điều 68, 69 và Điều 70 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Giao cháu Quế A cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ch cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Quế A là: 5.000.000 đồng/tháng; Cháu Việt A đã thành niên, khoẻ mạnh nên không xét.

[2.3]. Về tài sản, nhà ở chung: Chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[2.4]. Về nợ: Chị Ch xác nhận không có khoản nợ nào chung.

[2.5]. Về án phí: Chị Ch phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, đương sự không có yêu cầu gì khác nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 226, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai Ch.

Chị Nguyễn Thị Mai Ch được ly hôn anh Trần Việt D.

2. Về con chung: Xác nhận chị Ch và anh D có 02 con chung là: Trần Việt A (nam), sinh ngày 07/2/1998; Trần Quế A (nữ) sinh ngày 01/9/2004.

Giao cháu Quế A cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Ch cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Quế A là: 5.000.000 đồng/tháng (Năm triệu đồng/tháng). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 7/2021 cho đến khi cháu Quế A đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định pháp luật khác thay thế. Cháu Việt A đã ở tuổi trưởng thành ở với ai do con chung quyết định nên không xét.

Chị Ch có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, nhà ở chung: Chị Ch không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

4. Về nợ: Chị Ch xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai Ch phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0015286 ngày 04 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Chị Ch còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí.

Chị Ch có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA